TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 761/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HÀ NỘI

- Căn cứ Điều 144, 147, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 51, 55, 57, 58, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 734/2026/TLST - HNGĐ ngày 17/6/2026 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- **Anh N.T.H,** sinh năm 1993; Căn cước công dân số 00109303xxxx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/4/2021; HKTT và nơi ở hiện tại: Số B, phố V, phường H, TP Hà Nội.
- **Chị N.T.D,** sinh năm 1992; Căn cước công dân số 02719200xxxx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/4/2021; HKTT: Số B, phố V, phường H, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện tại: Số M, phố N, phường B, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Anh N.T.H và chị N.T.D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận H, thành phố Hà Nội *(nay là Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Hà Nội)* theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2017, ngày 07/02/2017. Đây là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Anh N.T.H và chị N.T.D yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hà Nội công nhận thuận tình ly hôn vì cả hai đều xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có. Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của hai bên đã được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 17/6/2026 tại Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hà Nội là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh N.T.H và chị N.T.D có 02 con chung là cháu N.N.K.D, sinh ngày 16/11/2017 và cháu N.M.A, sinh ngày 13/10/2021. Khi ly hôn anh H và chị D thống nhất: chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con chung là cháu N.N.K.D và N.M.A. Anh H có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 10.000.000 đồng/tháng *(Mười triệu đồng/tháng),*

kể từ tháng 7/2026 cho đến khi hai con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản và nhà ở chung: Anh N.T.H và chị N.T.D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Anh N.T.H và chị N.T.D không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về lệ phí tòa án: Anh N.T.H tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh N.T.H và chị N.T.D.

- Về con chung: Anh N.T.H và chị N.T.D có 02 con chung là cháu N.N.K.D, sinh ngày 16/11/2017 và cháu N.M.A, sinh ngày 13/10/2021.

Giao cả hai con chung là cháu N.N.K.D và cháu N.M.A cho chị N.T.D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N.T.H có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 10.000.000 đồng/tháng *(Mười triệu đồng/tháng),* kể từ tháng 7/2026 cho đến khi hai con chung trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh N.T.H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản và nhà ở chung: Anh N.T.H và chị N.T.D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh N.T.H tự nguyện chịu cả 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0014558 ngày 16/6/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- VKSND khu vực 1 - Hà Nội;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Tòa án ND TP. Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 1 - Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Đặng Thu Phương